

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2020

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Trương Đ Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX- ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981; HKTT: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Xóm T, thôn B, xã H, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

*Người giám hộ cho anh H*: bà Dương Thị H, sinh năm 1959 (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H)- Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 31/10/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn (chị Nguyễn Thị P) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/12/2002 tại UBND xã H. Sau khi cưới chị P về nhà anh H làm dâu ngay, vợ chồng ở cùng với bà ngoại anh H được 02 tháng. Sau đó vợ chồng mua đất làm nhà và ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 7/2017 thì phải ly hôn. Nguyên nhân ly hôn là do từ khi anh H bị tai nạn ảnh hưởng tới thần kinh, hai vợ*

chồng bất đồng quan điểm nên hay cãi vã nhau. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh H nữa nên đã làm đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 15/4/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/5/2006, hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh H, cháu T đang ở cùng chị P, các cháu vẫn phải phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn thì chị đề nghị được nuôi cháu T, anh H nuôi cháu Đ, trường hợp anh H đề nghị cho được nuôi cả 02 con thì chị cũng đồng ý. Tại phiên tòa anh H đề nghị chị nuôi cả 02 con chung của vợ chồng, chị đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, vì chị xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bí đơn (anh Nguyễn Văn H) trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị P cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào cuối năm 2002 tại UBND xã H còn ngày tháng kết hôn anh không nhớ. Sau khi cưới chị P về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng ăn giềng và ở nhờ trên đất của gia đình. Tình cảm vợ chồng bình thường được thời gian đầu, sau khi vợ chồng sinh con thứ 2 là cháu Nguyễn Văn Đ được 02 năm thì vợ chồng phải sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau do hai vợ chồng bất đồng trong cuộc sống hàng ngày. Trước đây khi vợ chồng xảy ra cãi nhau thì chị P thỉnh thoảng có bỏ nhà đi, đến tháng 10/2018 (âm lịch) thì chị P chuyển hẳn ra khỏi nhà anh cho đến nay. Vợ chồng chính thức ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không thành. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị P, vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con, còn đối với chị P thì không còn quan tâm gì đến anh nữa và do anh bị bệnh tật không đi làm kiếm tiền được nên chị P không về sống chung cùng anh nữa, anh cũng không có cách nào để cho chị P về đoàn tụ với anh. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, tại Tòa án anh không đồng ý, tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn chị P.

- Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 15/4/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/5/2006, hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh, cháu T đang ở cùng chị P, các cháu vẫn phải phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cháu Đ, chị P nuôi cháu T, trường hợp chị P đề nghị được nuôi cả 02 con thì anh cũng đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con trường hợp mỗi người nuôi một con chung của vợ chồng thì anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, còn trường hợp chị P nuôi cả 02 con chung của vợ chồng thì anh không thể cấp dưỡng nuôi con cùng chị P được vì anh không lao động kiếm tiền được. Tại phiên tòa anh đề nghị chị P nuôi cả 02 con chung của vợ chồng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Vợ chồng anh không có tài sản chung, riêng gì, về công sức chị P không có công sức đóng góp gì

cùng gia đình anh; Về công nợ vợ chồng không nợ chung gì, vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản, công nợ, công sức. Tại Tòa án anh có yêu cầu chị P phải trả lại anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh đề nghị Tòa án xem xét việc chia tài sản chung của vợ chồng anh H, cụ thể là số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) do anh H được những người gây thương tích cho anh H bồi thường năm 2015 và chị P là người nhận số tiền này, yêu cầu chị P phải trả cho anh số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) trong số tiền 190 triệu đồng nêu trên. Tại phiên tòa anh xác định chị P đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi mở phiên tòa cho anh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết gì nữa; Anh cũng xin rút yêu cầu đối với yêu cầu chị P phải trả cho anh số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) do chị P phải nuôi cả 02 con chung của vợ chồng.

Hiện nay anh đang điều trị ngoại trú về bệnh tâm thần và được hưởng trợ cấp do là người khuyết tật. Do bệnh tật của anh đã rõ nên anh không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định về sức khỏe và tâm thần đối với anh. Tòa án có quyết định trưng cầu giám định thì anh và gia đình cũng từ chối giám định.

- *Người giám hộ cho anh Nguyễn Văn H (Bà Dương Thị H- mẹ của anh H) trình bày:* Bà nhất trí với ý kiến của anh H, cũng không đề nghị giám định và cũng từ chối giám định về sức khỏe và tâm thần của anh H trong trường hợp Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định, nhất trí việc anh H rút yêu cầu về việc yêu cầu chị P phải trả cho anh H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 15/4/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/5/2006. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải trả cho anh H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003513 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2019 của chị Nguyễn Thị P đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị P thấy rằng:* Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị P, anh H từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra cãi nhau chị P đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng hơn sau khi anh H bị tai nạn ảnh hưởng đến sức khỏe và thần kinh của mình. Vì vậy chị P đã chuyển hẳn ra khỏi nhà và về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2017 cho đến nay, vợ chồng chính thức sống ly thân, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Việc chị P có đơn xin ly hôn, tại Tòa án anh H không đồng ý vì xác định vẫn còn tình cảm với chị P nhưng lại không đưa ra được phương án nào để thuyết phục chị P về đoàn tụ cùng anh H, anh H xác định trường hợp chị P cương quyết xin ly hôn thì anh chấp nhận. Tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn với chị P. Qua trao đổi địa phương cũng xác định vợ chồng anh H, chị P xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc anh H bị tai nạn ảnh hưởng đến trí óc và sức khỏe nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã với nhau, chị P đã chuyển ra khỏi nhà anh H từ tháng 7/2017 đến nay hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H là hợp pháp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị P cần được chấp nhận.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Chị P và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 15/4/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/5/2006, hiện nay cháu Đ đang ở cùng anh H, cháu T đang ở cùng chị P, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn, chị P và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết để chị P nuôi cháu Nguyễn Thị Kiều T, anh H nuôi cháu Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, chị P và anh H đề xác định trường hợp chị P được trực tiếp nuôi cả 02 con thì chị P và anh H cũng đồng ý. Tại phiên tòa anh H đề nghị để chị P nuôi cả 02 con chung của vợ chồng do anh không đảm bảo sức khỏe để nuôi con. Qua xác minh, trao đổi với địa phương xác định hiện nay anh H bị ảnh hưởng tới trí não và sức khỏe sau khi bị tai nạn và đang hưởng trợ cấp người khuyết tật, chị P là công nhân có thu nhập ổn định, vì vậy địa phương đề nghị giao cả 02 con chung của vợ chồng cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo sự phát triển bình thường của

các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất để chị P trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng, xét là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần giao cho chị P trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng là cháu Đ và cháu T để các cháu có đủ điều kiện phát triển toàn diện tốt nhất và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi một con chung của chị P cần được chấp nhận. Anh H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của hai bên thấy rằng:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P nên không yêu cầu Tòa án giải quyết xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2].4. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh H và bà H yêu cầu chị P trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) đứng tên anh H, chị P cũng xác nhận đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của Ngân hàng. Ngày 27/3/2020 chị P đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H theo yêu cầu; anh H và bà H đề nghị Tòa án xem xét việc chia tài sản chung của vợ chồng anh H, cụ thể là số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) do anh H được những người gây thương tích cho anh H bồi thường năm 2015 và chị P là người nhận số tiền này, yêu cầu chị P phải trả cho anh H số tiền 90 triệu đồng trong số tiền 190 triệu đồng nêu trên. Tại phiên tòa anh H và người giám hộ là bà Dương Thị H rút yêu cầu sôi với việc yêu cầu chị P phải trả cho anh H số tiền 90 triệu đồng do anh H và chị P thống nhất để chị P nuôi cả 02 con chung của vợ chồng, xét là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 15/4/2004 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/5/2006. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải trả cho anh H số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003513 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:  
- TAND Tỉnh BG  
- VKSND Hiệp Hòa  
- THADS Hiệp Hòa;  
- Các đương sự;  
- UBND xã H;  
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa***

**Nguyễn Xuân Toàn**